M.S.D.N: 1600230014 - C.T.C.P
CÔNG TY CP RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
DN: C=VN, S=An Giang, L=Tp.Long Xuyên, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1600230014
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-12 18:05:45
Foxit Reader Version: 9.4.0

# MỤC LỤC

**I. THÔNG TIN CHUNG. ..... 3**
1. Thông tin khái quát. ..... 3
2. Quá trình hình thành và phát triển. ..... 3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh. ..... 4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý. ..... 5
5. Định hướng phát triển. ..... 5
6. Các rủi ro. ..... 6
**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018. ..... 7**
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. ..... 7
2. Tổ chức và nhân sự. ..... 7
3. Tình hình đầu tư năm 2018. ..... 11
4. Tình hình tài chính. ..... 12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu. ..... 13
**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC. ..... 13**
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. ..... 14
2. Tình hình tài chính. ..... 16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. ..... 16
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2019. ..... 16
**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. ..... 19**
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. ..... 19
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty. ..... 20
3. Các định hướng, kế hoạch của Hội đồng quản trị: ..... 20
**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY. ..... 22**
1. Báo cáo Hội đồng quản trị. ..... 23
2. Ban kiểm soát. ..... 27
**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Vui lòng vào đường link: ..... 30**

# I. THÔNG TIN CHUNG.

## 1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch tiếng Việt : Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang.
- Tên giao dịch tiếng Anh : An Giang Fruit-Vegetables & Foodstuff JSC.
- Tên viết tắt : ANTESCO.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600230014 cấp ngày 01/6/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp (Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 06/7/2018).
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- Địa chỉ : 69-71-73 Nguyễn Huệ, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên An Giang.
- Số điện thoại : 0296 3841196
- Số Fax : 0296 3843009
- Website : www.antesco.com
- Email : antesco@antesco.com
- Mã cổ phiếu : ANT

## 2. Quá trình hình thành và phát triển.

- *Năm 1975:* Công ty Vật tư nông nghiệp An Giang, tiền thân của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang được thành lập, hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp.
- *Năm 1986:* Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất từ 03 đơn vị thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh An Giang (Công ty Vật tư nông nghiệp, Chi cục Cơ khí nông nghiệp và Chi cục Bảo vệ thực vật) gọi tắt là Antesco và tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp như máy móc nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.
- Trong quá trình phát triển chung của kinh tế xã hội, sau 02 năm hợp nhất, bộ phận chuyên về thuốc bảo vệ thực vật được tách ra khỏi Công ty, đồng thời Công ty được UBND Tỉnh đề nghị Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp giấy phép trực tiếp xuất nhập khẩu các loại vật tư nông nghiệp và nông sản.
- *Năm 1992:* Công ty được trao Quyết định thành lập số 530/QĐUB ngày 02/11/1992 của UBND tỉnh An Giang quyết định chuyển từ đơn vị quốc doanh thành Doanh nghiệp Nhà nước với số vốn ban đầu là 7.248.217.000 đồng.
- *Năm 1994:* Antesco thành lập xí nghiệp chế biến nông sản, rau quả và thực phẩm xuất khẩu, từ đó, Công ty bắt đầu đưa ra một số giống rau quả mới trồng thử nghiệm như đậu nành rau, đậu bắp, bắp non để chế biến đông lạnh xuất khẩu.

- *Năm 1999:* Antesco tiếp tục mở rộng đầu tư xây dựng thêm nhà máy đông lạnh với thiết bị và dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập từ Mỹ và Đan Mạch với công suất 10.000 tấn/năm. Công ty cũng đã xây dựng được vùng nguyên liệu riêng bằng cách đầu tư và bao tiêu sản phẩm nhằm ổn định nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và tạo thu nhập cho người nông dân. Sản phẩm chính của Antesco là bắp non, đậu nành rau và khóm.
- *Năm 2008:* Công ty đầu tư thêm phân xưởng chế biến phụ phẩm từ vỏ rau quả để ép viên dùng làm thức ăn gia súc với công suất ban đầu là 2.400 tấn thành phẩm/năm nhằm giải quyết lượng rác thải từ sản xuất rau quả cũng như những vấn đề về vệ sinh môi trường.
- *Ngày 01/6/2011:* Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang và đi vào hoạt động đến nay.
- *Năm 2015:* Công ty đầu tư thêm nhà máy thứ 3 phục vụ sản xuất Rau quả thực phẩm đông lạnh với tổng chi phí đầu tư gần 7 triệu USD.
- Sau thời gian chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang, thời gian đầu hoạt động (từ 01/6/2011) Công ty vẫn bước đầu ổn định sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả. Thị trường xuất khẩu truyền thống chủ yếu là các nước khu vực Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, … chiếm trên 90% sản lượng xuất khẩu. Antesco đã từng bước khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường quốc tế. Sản phẩm của Antesco đang ngày càng được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm, cụm từ "Bắp non Antesco – Việt Nam" trở nên phổ biến đối với các thương nhân nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực rau quả thực phẩm.
- *Ngày 22/12/2016:* Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang chính thức giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Bằng những kinh nghiệm trong quá trình sản xuất và quản lý, Antesco đã xây dựng cho mình sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài nước với tiêu chí ***"Chất lượng là uy tín, là sự tồn tại và phát triển của Công ty"***.

## 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

### 3.1 Ngành nghề kinh doanh.

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán giống cây trồng các loại.

### 3.2 Địa bàn kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty đã xuất khẩu sang hầu hết các Châu lục, tuy nhiên thị trường xuất khẩu chủ lực của Công ty là Châu Âu, Mỹ, Châu Á và thị trường nội địa.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

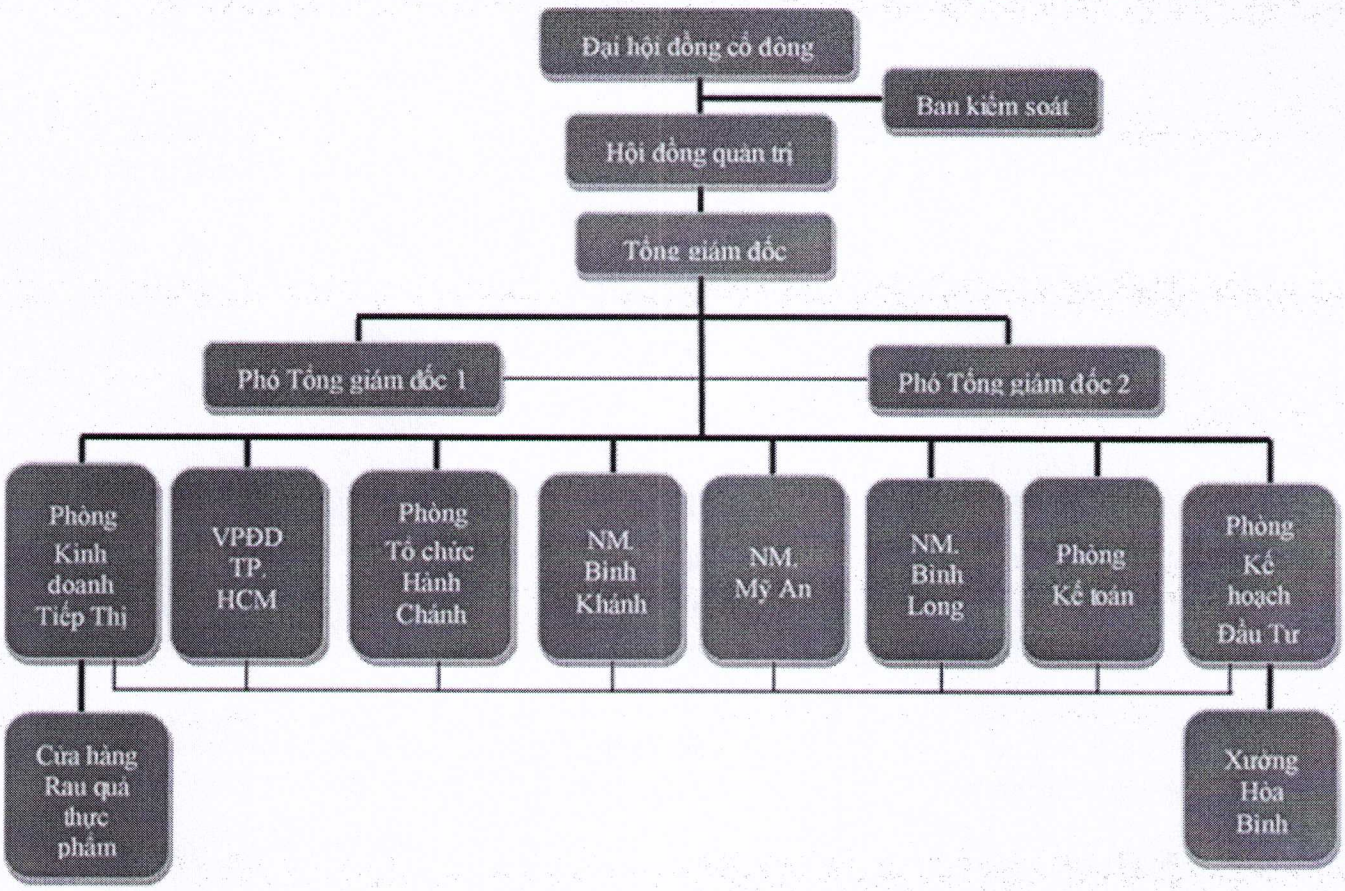


## 5. Định hướng phát triển.

### 5.1 Định hướng của Công ty.

- Đến năm 2021, phấn đấu là Công ty hàng đầu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long trong lĩnh vực chế biến rau quả và xuất khẩu.
- Tăng dần doanh thu và lợi nhuận.
- Tăng dần tỷ trọng Nội địa/Xuất khẩu

### 5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Ổn định, tạo động lực phát triển, tăng quy mô và nâng cao vị thế của Công ty.
- Duy trì và phát triển các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, đẩy mạnh phát triển thị trường Châu Á, đặc biệt thị trường Trung Đông.
- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực: bắp non, đậu nành rau, ...
- Chú trọng công tác R & D nhằm phát triển các sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng dòng sản phẩm. Đặc biệt phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng.

### 5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, trách nhiệm xã hội và cộng đồng.
- Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp; thực hiện tiết kiệm phòng chống lãng phí.
- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, xử lý khí thải lò hơi của 3 nhà máy Mỹ An, Bình Khánh và Bình Long tiếp tục được duy trì hoạt động tốt, đạt tiêu chuẩn quy định; các chất thải rắn (rác, phế liệu sản xuất), chất thải nguy hại ở 3 nhà máy được thu gom, xử lý hàng ngày để không gây ô nhiễm môi trường; tại 3 nhà máy đều được trồng cây xanh, tạo môi trường cảnh quang Xanh – Sạch – Đẹp.
- Góp phần tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập ổn định cho người nông dân.

## 6. Các rủi ro.

### 6.1. Rủi ro kinh tế và chính trị.

Diễn biến kinh tế và chính trị thế giới ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy Công ty cần chủ động và nắm bắt kịp thời các diễn biến, cụ thể:

- Sự bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sẽ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước.
- Các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, mất cân đối cung cầu lương thực trong và ngoài nước,… đều tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### 6.2. Rủi ro tỷ giá và lãi suất.

- Rủi ro tỷ giá: sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của Công ty.
- Rủi ro lãi suất: biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận.

### 6.3. Rủi ro về cạnh tranh.

Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và sự gia tăng cạnh tranh cả về số lượng lẫn mức độ cạnh tranh của các đối thủ, cụ thể:

- *Sự cạnh tranh không lành mạnh:* giữa các doanh nghiệp, Công ty và nhà máy sản xuất trong ngành chế biến rau quả ngày càng gay gắt trong cùng mặt hàng. Điều này dẫn đến tình trạng khách hàng nước ngoài ép giá làm ảnh hưởng sản lượng xuất khẩu và gây mất ổn định tình hình thu mua nguyên liệu nông sản trong nước. Các doanh nghiệp cạnh tranh thu mua nguyên liệu dẫn đến biến động giá cả và nông dân phá vỡ hợp đồng bán nguyên liệu cho Công ty để thu lợi nhuận.

- *Khả năng xâm nhập ngành:* diễn ra ngày càng nhanh. Cụ thể, có nhiều tập đoàn và công ty có quy mô lớn, vốn mạnh đang chuyển hướng sang đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Đây cũng là rủi ro và thách thức của Công ty.

**6.4 Rủi ro về thời tiết.**

Tình hình biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn gây ảnh hưởng đến việc canh tác, trồng trọt của người nông dân dẫn đến tình trạng thiếu nguồn nguyên liệu cung cấp cho các doanh nghiệp, nhà máy sản xuất ngày càng trầm trọng.

**6.5 Rủi ro Mất khách hàng quan trọng.**

Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.

**6.6 Rủi ro Nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời.**

Sẽ dẫn đến nguy cơ gián đoạn, không đủ nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018:

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2018 | So Kế hoạch 2018 | So Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | 351,30 | 117% | 113% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1,32 | - | - |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 1,32 | - | - |

### 2. Tổ chức và nhân sự.

**2.1 Danh sách Ban điều hành.**

❖ Ông. **Nguyễn Ngọc Vinh – Tổng giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 12/4/1977
- Quê quán : Chợ Mới, An Giang
- Địa chỉ thường trú : 177 A9 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Ngoại thương.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14,52%
- Quá trình công tác:

▪ Tháng 9/2000 – năm 2001 Nhân viên Phòng Kinh doanh, Công ty Xuất nhập khẩu An Giang

| | |
|---|---|
| ▪ Năm 2002 – năm 2003 | Nhân viên Kế toán thống kê, Công ty Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2004 – năm 2006 | Nhân viên chứng từ xuất nhập khẩu, Chi nhánh TP.HCM, Công ty Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2007 – năm 2009 | Trưởng Bộ phận bán hàng, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2010 – tháng 4/2011 | Phó phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Tháng 5/2011 – tháng 01/2014 | Giám đốc Chi nhánh, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Tháng 02/2014 – tháng 9/2015 | Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long |
| ▪ Tháng 10/2015 – tháng 5/2017 | Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Tháng 6/2017 – tháng 4/2018 | Giám đốc Ngành gạo, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Tháng 7/2018 – Nay | Tổng giám đốc, Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang (Antesco) |

❖ Ông. **Nguyễn Công Luận – Phó Tổng giám đốc.**

- Ngày tháng năm sinh : 20/3/1977
- Quê quán : Vĩnh Tế, Châu Đốc, An Giang.
- Địa chỉ thường trú : 138/21 Cô Giang, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: sở hữu 0,69% tương ứng 41.500 cổ phần
- Quá trình công tác:

| | |
|---|---|
| ▪ Năm 2000 – 2003 | Chuyên viên Phòng Kế hoạch đầu tư, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang. |
| ▪ Năm 2003 – 2004 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh tiếp thị, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang |
| ▪ Năm 2004 – tháng 5/2011 | Phó Phòng Kinh doanh tiếp thị, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang |
| ▪ Tháng 6/2011 – tháng 5/2014 | Phó Phòng Kinh doanh tiếp thị, Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang |

| | |
|---|---|
| ▪ Tháng 6/2014 – tháng 6/2018 | Trưởng Phòng Kinh doanh tiếp thị, Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang |
| ▪ Tháng 7/2018 – Nay | Tổng giám đốc, Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang (Antesco) |

❖ Ông. **Nguyễn Văn Pháp – Phó Tổng giám đốc.**

- Ngày tháng năm sinh : 1987
- Quê quán : An Ninh, Định An, Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Địa chỉ thường trú : 235 ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ thực phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không.
- Quá trình công tác:

| | |
|---|---|
| ▪ Tháng 8/2009 – 2010 | Nhân viên tập sự Phân xưởng Long Xuyên, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2010 – 2011 | Nhân viên kiểm phẩm Phân xưởng Chợ Mới, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2011 – 2012 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2012 – 2014 | Quản đốc Phân xưởng Hòa An, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2014 – 2015 | Phó Phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2015 – 2016 | Giám đốc Mua hàng, Phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Năm 2017 – tháng 4/2018 | Giám đốc Chi nhánh sản xuất, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. |
| ▪ Tháng 7/2018 – Nay | Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang. |

❖ Bà. **Ngô Thu Hà – Kế toán trưởng.**

- Ngày tháng năm sinh : 06/01/1973
- Quê quán : phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.
- Địa chỉ thường trú : số 132 đường Nội bộ, khóm Đông Thịnh 8, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An giang.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: sở hữu 0,18% tương ứng 11.000 cổ phần.
- Quá trình công tác:

| | |
|---|---|
| ▪ Năm 1996 | Phó Phòng Kế toán, Ngân hàng TMCP NT Tứ giác Long Xuyên. |
| ▪ Năm 2000 – năm 2002 | phụ trách Phòng Kế toán ,Nhà máy Rau quả đông lạnh Bình Khánh. |
| ▪ Năm 2002 – Năm 2004 | Trưởng Phòng kế toán, Nhà máy Rau quả đông lạnh Bình Khánh. |
| ▪ Năm 2004 – Tháng 5/2011 | Phó Phòng Kế toán, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang. |
| ▪ Tháng 6/2011 – Nay | Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang. |

**2.2 Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành.**

▪ **Hội đồng quản trị**

| | | |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Văn Tiến | Bổ nhiệm thành viên HĐQT | 29/6/2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Vinh | Bổ nhiệm thành viên HĐQT | 29/6/2018 |
| Ông Nguyễn Thành Tâm | Bổ nhiệm thành viên HĐQT độc lập | 29/6/2018 |
| Ông Quách Thanh Bình | Miễn nhiệm thành viên HĐQT | 29/6/2018 |
| Ông Trần Công Thụy | Miễn nhiệm thành viên HĐQT | 29/6/2018 |
| Ông Huỳnh Quang Vinh | Miễn nhiệm thành viên HĐQT | 29/10/2018 |

▪ **Ban Tổng giám đốc**

| | | |
|---|---|---|
| Ông Quách Thanh Bình | Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc | 11/6/2018 |
| Ông Trần Công Thụy | Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc | 11/6/2018 |
| Ông Huỳnh Quang Vinh | Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc | 03/7/2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Vinh | Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc | 03/7/2018 |
| Ông Nguyễn Công Luận | Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc | 18/7/2018 |
| Ông Nguyễn Văn Pháp | Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc | 18/7/2018 |

**2.3 Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách người lao động.**

Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân trong năm 2018: 653 người

| STT | Cơ cấu CBCNV | Số lượng CBCNV 31/12/2018 (người) |
|---|---|---|
| 1 | Trên đại học | 01 |
| 2 | Đại học | 75 |

| STT | Cơ cấu CBCNV | Số lượng CBCNV 31/12/2018 (người) |
|---|---|---|
| 3 | Cao đẳng | 21 |
| 4 | Trung cấp | 25 |
| 5 | Trung học dạy nghề | 10 |
| 6 | Lao động phổ thông | 477 |

**2.4 Chính sách đối với người lao động.**

**2.4.1 Các chế độ chính sách.**

Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đào tạo,… được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

**2.4.2 Lương – thưởng.**

*Chính sách lương:* người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công.

*Chính sách thưởng:* Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại hiệu quả công việc của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng trong công việc, mang lại hiệu quả cho Công ty.

**2.4.3 Phúc lợi – đãi ngộ.**

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hỉ, …
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, các trang thiết bị an toàn, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.
- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thăm hỏi, chăm lo cho đời sống cho các chị em phụ nữ để họ an tâm công tác tại Công ty.
- Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn; tặng nhà tình nghĩa cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn. Trao quỹ khuyến học và hỗ trợ các cháu có thành tích xuất sắc trong học tập và các cháu thuộc con em của cán bộ công nhân viên công ty có hoàn cảnh khó khăn nhưng học giỏi, …

**2.4.4 Đào tạo – tuyển dụng.**

Công tác đào tạo: gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ: thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề tại các đơn vị, nhà máy sản xuất.

Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn.

**3. Tình hình đầu tư năm 2018.**

**3.1 Đầu tư Vùng nguyên liệu.**

Việc thực hiện đầu tư Vùng nguyên liệu năm 2018 của Công ty đạt mức thấp hơn nhiều so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân:

- Tồn kho cuối năm 2017 chuyển sang số lượng lớn
- Tình hình tài chính Công ty những tháng đầu năm gặp khó khăn.
- Việc tổ chức thực hiện đầu tư vùng nguyên liệu chưa tốt (đặc biệt đậu nành rau) nên chưa được chính quyền địa phương và người dân ủng hộ tham gia.

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục xây dựng Vùng nguyên liệu bắp non, đậu nành rau theo hướng Global GAP,... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nguyên liệu đáp ứng nhu cầu thị trường.

### 3.2 Báo cáo Đầu tư năm 2018.

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | Hạng mục | Thực hiện Năm 2018 | Thực hiện Năm 2017 | So Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Xây dựng cơ bản | - | 0,99 | - |
| 2 | Đầu tư thiết bị | 1,99 | 0,15 | 13,27% |
| | **Tổng cộng** | **1,99** | **1,14** | **174,56%** |

Đầu tư năm 2018 tăng 74% so cùng kỳ. Do khó khăn về nguồn vốn kinh doanh, năm 2018 Công ty chỉ đầu tư hoặc cải tạo những hạn mục cấp thiết để duy trì ổn định tình hình sản xuất tại các nhà máy.

## 4. Tình hình tài chính.

### 4.1 Tình hình tài chính.

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 219,15 | 254,54 | (14%) |
| 2 | Doanh thu thuần | 351,30 | 309,00 | 14% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 1,32 | (18,62) | - |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 1,32 | (18,62) | - |

### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

| STT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| | + Hệ số thanh toán bằng tiền: | Lần | 0,12 | 0,06 |
| | + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | Lần | 0,79 | 0,81 |
| | + Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 0,18 | 0,06 |
| 2 | **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| | + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 77,92 | 81,51 |

| STT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| | + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 352,92 | 440,84 |
| 3 | **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | |
| | + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 1,60 | 1,21 |
| 4 | **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,38 | (6,03) |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 2,73 | (39,57) |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0,60 | (7,32) |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

### 5.1 Cổ phần.

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.000.000 cổ phần (Sáu triệu cổ phần).
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

### 5.2 Cơ cấu cổ đông.

Tính đến hết ngày 31/12/2018 công ty có 208 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

| STT | Loại hình cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhà nước | 1 | 2.942.400 | 49,04% |
| 2 | Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 2 | 135.500 | 2,26% |
| 3 | Cổ đông khác | 205 | 2.922.100 | 48,70% |
| | **Tổng** | **208** | **6.000.000** | **100,00%** |

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư:** Không thay đổi.

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.

**5.5 Các chứng khoán khác:** Không có.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Theo số liệu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc (FAO), thương mại rau củ quả đạt khoảng 270 tỷ USD năm 2018.

Năm 2018, xuất khẩu rau, quả của Việt Nam hiện chiếm khoảng 1,3% tổng nhập khẩu của thế giới, đạt 3,52 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm 2017.

Các thị trường xuất khẩu rau, quả chủ yếu của Việt Nam:

| STT | Thị trường | Kim ngạch (triệu USD) | Tỷ trọng kim ngạch XKVN | So Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trung Quốc | 2.780,00 | 78,98% | 5,03% |
| 2 | Hoa Kỳ | 139,90 | 3,97% | 37% |
| 3 | Hàn Quốc | 113,90 | 3,24% | 33,00% |

| STT | Thị trường | Kim ngạch (triệu USD) | Tỷ trọng kim ngạch XKVN | So Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| 4 | Nhật Bản | 105,00 | 2,98% | 17,00% |
| 5 | Úc | 42,00 | 1,19% | 45,55% |
| 6 | Campuchia | 2,57 | 0,07% | 152,00% |

*Nguồn: VnEconomy.vn*

Năm 2018, hạn hán kéo dài, lũ lớn xảy ra tại thượng nguồn sông Cửu Long, triều cường vượt mốc lịch sử tại các tỉnh Nam bộ, … ảnh hưởng đến kế hoạch xuống giống, làm giảm năng suất một số loại cây trồng chủ lực: bắp non, đậu nành rau và các loại nông sản khác. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng, chất lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào của Công ty.

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

### 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Năm 2018 dù có khó khăn về nguồn vốn kinh doanh và tồn kho cao trong những tháng đầu năm, nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dần được ổn định trong những tháng cuối năm và hoàn thành kế hoạch đề ra. Cụ thể,

- Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 9.209 tấn, tăng 15% so cùng kỳ.
- Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ đạt 351,30 tỷ đồng tăng 17% so kế hoạch năm 2018 và tăng 13% so cùng kỳ. Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 13,6 triệu USD tăng 12% so kế hoạch năm 2018 và tăng 11% so cùng kỳ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 1,32 tỷ đồng.

| STT | CHỈ TIÊU TỔNG HỢP | ĐVT | Thực hiện Năm 2018 | So Kế hoạch Năm 2018 | So Năm 2017 (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu bán hàng và dịch vụ | *Tỷ đồng* | 351,30 | 117% | 113% |
| 2 | Thu từ hoạt động tài chính | *Tỷ đồng* | 1,65 | - | 184% |
| 3 | Thu nhập khác | *Tỷ đồng* | 0,073 | - | 158% |
| | *Tổng kim ngạch xuất khẩu* | *Triệu USD* | *13,60* | 112% | 111% |
| 4 | Tổng Giá vốn | *Tỷ đồng* | 293,92 | 118% | 108% |
| 5 | Tổng Chi phí | *Tỷ đồng* | 57,79 | 113% | 103% |
| 6 | Tổng lợi nhuận trước thuế | *Tỷ đồng* | 1,32 | - | - |
| 7 | Thuế thu nhập DN phải nộp | *Tỷ đồng* | 0 | - | - |
| 8 | Tổng lợi nhuận sau thuế | *Tỷ đồng* | 1,32 | - | - |
| 9 | Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu | *%* | *0,38* | - | - |
| 9.1 | TSLN trước thuế/vốn điều lệ | *%* | 2,2 | - | - |
| 9.2 | TSLN sau thuế/vốn điều lệ | *%* | 2,2 | - | - |

### 1.2 Đánh giá.

❖ **Đạt được**

- Ổn định được thị trường, khách hàng tiêu thụ xuất khẩu và nội địa.
- Doanh thu Công ty tăng, sản xuất kinh doanh bước đầu có hiệu quả.
- Tình hình tài chính công ty dần ổn định nhờ sự hỗ trợ từ các ngân hàng.
- Năng lực sản xuất các nhà máy ngày càng được cũng cố và phát huy.
- Khả năng cạnh tranh bán hàng Công ty được cải thiện dần nhờ phát huy được lợi thế về yếu tố đầu vào, kinh nghiệm sản xuất, chất lượng sản phẩm và uy tín – thương hiệu Antesco.
- Bắp non vẫn duy trì ổn định về sản lượng tiêu thụ và giữ vai trò sản phẩm chủ lực trong cơ cấu hàng xuất khẩu.
- Phát triển được thị trường tiêu thụ các sản phẩm thanh long, chanh dây, sả… góp phần hoàn thành kế hoạch doanh thu năm 2018.
- Trong năm 2018, Công ty có nhiều chương trình khuyến mãi, chính sách bán hàng tốt đã kích thích khách hàng, nhà phân phối lẻ tiêu thụ tăng góp phần tăng doanh thu bán hàng nội địa, tăng khoảng 27% so năm 2017.

❖ **Chưa đạt được**

- Đậu nành rau dù nhu cầu thị trường lớn nhưng do các nguyên nhân chủ quan (không đạt kế hoạch đầu tư vùng nguyên liệu) và khách quan (cạnh tranh và giá thế giới ở mức thấp) nên sản lượng và kim ngạch xuất khẩu năm 2018 giảm gần 30% so với năm 2017.
- Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm đóng lon giảm.
- Hệ thống kênh phân phối nội địa chưa phát triển, hiện chỉ phát triển tại An Giang.
- Các sản phẩm tiêu thụ thị trường nội địa chưa đa dạng.
- Chi phí sản xuất và giá bán còn cao khó cạnh tranh và ảnh hưởng đến việc bán hàng.

❖ **Khó khăn**

- Thời tiết ngày càng thay đổi bất thường ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng và chất lượng nguyên liệu.
- Không chủ động được nguồn giống.
- Ngoài bắp non và đậu nành rau, các loại nguyên liệu đầu vào khác giá cả thường xuyên biến động, số lượng và chất lượng không ổn định ảnh hưởng đến tình hình sản xuất.
- Các hàng rào kỹ thuật ngày càng nhiều và rất khắt khe dẫn đến chi phí sản xuất tăng.
- Việc mở rộng Vùng nguyên liệu còn hạn chế do hiệu quả chưa hấp dẫn so với các loại cây trồng khác.
- Việc cạnh tranh mua bán trong và ngoài nước ngày càng gay gắt.

- Việc tuyển lao động địa phương cho nhà máy gặp nhiều khó khăn do phần lớn lao động tập trung về các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và các khu công nghiệp các tỉnh. Sự biến động về lực lượng lao động đang có xu hướng ngày càng tăng và là áp lực lớn cho Công ty khi vào mùa vụ cao điểm.

## 2. Tình hình tài chính.

### 2.1 Tình hình tài sản.

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|---|---|
| **A. Tài sản ngắn hạn** | **85.839.979.116** | **107.364.946.373** |
| - Tiền và các khoản tương đương bằng tiền | 19.732.579.052 | 7.594.822.640 |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | 17.210.624.798 | 18.590.532.175 |
| - Hàng tồn kho | 44.579.293.341 | 75.284.375.021 |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 4.317.481.925 | 5.895.216.537 |
| **B. Tài sản dài hạn** | **133.311.704.367** | **147.176.898.038** |
| - Tài sản cố định | 122.397.454.311 | 134.192.081.232 |
| - Tài sản dài hạn khác | 10.914.250.056 | 12.984.816.806 |
| **Tổng tài sản** | **219.151.683.483** | **254.541.844.411** |

### 2.2 Tình hình nợ phải trả.

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|---|---|
| **A. Nợ phải trả** | **170.765.081.387** | **207.477.476.127** |
| - Nợ ngắn hạn | 108.966.309.347 | 132.662.679.804 |
| - Nợ dài hạn | 61.798.772.040 | 74.814.796.323 |
| **B. Vốn chủ sở hữu** | **48.386.602.096** | **47.064.368.284** |
| - Vốn chủ sở hữu | 48.386.602.096 | 47.064.368.284 |
| **Tổng nguồn vốn** | **219.151.683.483** | **254.541.844.411** |

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty đã ổn định được việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- Công ty luôn chú trọng hoạt động đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho người lao động.
- Công ty đã sắp xếp, phân công lại lao động phù hợp với tình hình thực tế.
- Công ty đã hoàn thành đề án Tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2019 – 2021.

## 4. Kế hoạch kinh doanh năm 2019.

### 4.1 Nhận định.

❖ **Xuất khẩu**

- Rau quả vẫn tiếp tục là nhóm hàng tiềm năng. Đây là nhóm hàng trọng tâm có thế mạnh của Việt Nam.
- Rào cản kỹ thuật và quy định của thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe về an toàn thực phẩm ảnh hưởng đến công tác bán hàng và phát triển thị trường.
- Biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung và giá mặt hàng rau quả.
- Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng cao giữa các doanh nghiệp trong nước và các quốc gia trong khu vực.
- Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, tình hình bất ổn về kinh tế, chính trị nhiều khu vực trên thế giới tiếp tục tác động tiêu cực đến tình hình xuất khẩu rau quả trong năm 2019.

❖ **Nội địa**

- Nhu cầu của người tiêu dùng đa dạng và ngày càng tăng.
- Chất lượng sản phẩm và yếu tố tiện lợi được khách hàng quan tâm và lựa chọn nhiều nhất.
- Dư địa thị trường nội địa còn lớn.

### 4.2 Mục tiêu chủ yếu trong năm 2019.

Công ty đặt ra các mục tiêu chủ yếu cho năm 2019 như sau:

❖ Doanh thu : 370,00 tỷ đồng

❖ Lợi nhuận trước thuế : 5,50 tỷ đồng

### 4.3 Định hướng.

- Định hướng lại thị trường, khách hàng mục tiêu và tiềm năng.
- Cơ cấu lại các sản phẩm theo hướng giá trị gia tăng.
- Kiểm soát chi phí, tăng doanh thu và tăng lợi nhuận.
- Phát huy công suất và thế mạnh, gia tăng sản xuất để đảm bảo sản lượng từng nhà máy hoạt động phải đạt từ điểm hòa vốn trở lên.
- Xây dựng Vùng nguyên liệu đảm bảo các sản phẩm sau thu hoạch đạt chất lượng, ổn định số lượng và an toàn về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

### 4.4 Kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

| STT | KHOẢN MỤC | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | So sánh (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Sản lượng tiêu thụ *(tấn)* | 9.209,00 | 9.500,00 | 109.80% |
| 2 | Doanh thu (tỷ đồng) | 351,30 | 370,00 | 104.88% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 1,32 | 5,50 | 426.36% |

## 4.5 Kế hoạch đầu tư.

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | Hạng mục | Thực hiện Năm 2018 | Kế hoạch Năm 2019 | So sánh (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Xây dựng cơ bản | - | 1,75 | - |
| 2 | Đầu tư thiết bị | 1,99 | 7,37 | 370,35% |
| | **Tổng cộng** | **1,99** | **9,12** | **458,29%** |

## 4.6 Kế hoạch nhân sự và đào tạo.

| STT | Nội dung | Số lượng | Kinh phí (triệu đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng lao động (người) | 620 | - |
| 1 | Đào tạo nội bộ (khóa) | 15 | 15,00 |
| 2 | Đào tạo bên ngoài (khóa) | 19 | 750,00 |
| | **Tổng cộng** | | **765,00** |

## 4.7 Giải pháp thực hiện.

❖ **Xuất khẩu**

- Duy trì phát triển các sản phẩm bắp non, đậu nành rau và phát triển thêm mặt hàng khác.
- Tập trung chăm sóc khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới.
- Đẩy mạnh bán hàng, duy trì ổn định các thị trường xuất khẩu chính Châu Âu, Bắc Mỹ, Châu Á, mở rộng thị trường Trung Đông, Châu Phi, Châu Úc.
- Kiểm soát chặt chẽ dư lượng thuốc BVTV nhằm đáp ứng yêu cầu khách hàng, tăng cường và phát huy công tác giám sát chất lượng.

❖ **Nội địa**

- Ưu tiên phát triển các thị trường An Giang, các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ, đẩy mạnh việc đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi.
- Đẩy mạnh bán hàng, phát triển hệ thống phân phối.
- Tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại.
- Thường xuyên thực hiện các chương trình khuyến mãi.
- Nghiên cứu và phát triển thêm một số sản phẩm mới.

❖ **Vùng nguyên liệu**

- Củng cố và mở rộng vùng nguyên liệu bắp non và đậu nành rau.
- Thường xuyên cập nhật thông tin giá cả nguyên liệu.
- Chủ động thu mua vào thời điểm chính vụ đối với nguyên liệu mua ngoài để có giá tốt, cạnh tranh, chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu.

- Cân đối và linh hoạt điều chỉnh phương án thu mua kịp thời các loại nguyên liệu rau quả đáp ứng yêu cầu sản xuất của 3 nhà máy

❖ **Về sản xuất**

- Đầu tư, cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm..
- Kiểm soát chặt chẽ dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nguyên liệu đầu vào.
- Cải tiến quy trình sản xuất, trang thiết bị để tăng năng suất lao động.

### 4.8 Giải pháp quản trị.

- Thực hiện việc quản lý dòng tiền, chi phí, tài chính và nguồn vốn;
- Định biên nhân sự nhằm tối đa hóa việc sử dụng lao động và bố trí nhân sự hợp lý;
- Phân cấp, phân quyền/ủy quyền trong từng phòng ban Công ty, Nhà máy đảm bảo tính trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ;
- Thường xuyên theo dõi mức tồn kho, hoạt động sản xuất của từng nhà máy;
- Quản trị giá thành, ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất và tác nghiệp để tăng công suất, năng suất, giảm giá thành và lao động;
- Quản trị các rủi ro: về tác nghiệp, về nguồn cung, về biến động giá, về lãi suất & tỷ giá.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động chung.

### 1.1 Về hoạt động kinh doanh.

Kết thúc năm 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận:

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2018 | So Kế hoạch 2018 | So Năm 2017 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | 351,30 | 117% | 113% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1,32 | - | - |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 1,32 | - | - |

### 1.2 Về đầu tư cho sản xuất.

Để đáp ứng công suất sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty đã thực hiện cải tạo các kho lạnh, trang thiết bị cho các nhà máy nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm và thực hiện đúng tiến độ, thời gian giao hàng cho khách hàng.

### 1.3 Về trách nhiệm môi trường và xã hội.

Nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty, Antesco luôn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ mội trường, luôn có trách nhiệm với xã hội và luôn quan tâm đóng góp cho cộng đồng. Cụ thể, Công ty đã triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường; đầu tư hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, xử lý khí thải lò hơi của 3 nhà máy theo đúng quy định, hướng dẫn nông dân sử dụng biện pháp canh tác an toàn, hợp tác cùng nông dân phát triển vùng nguyên liệu góp phần tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người nông dân.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

Trong năm 2018, Ban Tổng giám đốc đã cố gắng thực hiện tốt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đến từng cán bộ quản lý, phòng ban nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Năm 2018, mặc dù tình hình kinh doanh có nhiều biến động, Ban Tổng giám đốc đã tập trung bám sát kế hoạch kinh doanh; thường xuyên có các giải pháp điều chỉnh kịp thời để hoàn thành vượt mức các mục tiêu:

### 2.1 Về kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2018, Công ty đã đạt được những kết quả sau:

- Hoàn thành vượt kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã đề ra;
- Giữ vững và tăng thị phần đối với nhiều nhóm sản phẩm chủ lực;
- Phát triển thêm nhiều sản phẩm mới như: thanh long, trái cây sấy, …
- Mở rộng và tăng cường phát triển mạng lưới phân phối;
- Quản lý dòng tiền hiệu quả;
- Có nhiều cải tiến trong sản xuất nhằm giảm chi phí;
- Nâng cao hiệu quả trong các hoạt động bán hàng, quản lý chất lượng;
- Có nhiều tiến bộ trong chính sách cho người lao động như: chính sách lương, thưởng; chính sách đãi ngộ chăm sóc người lao động, … nhằm phát triển bền vững.

### 2.2 Về hệ thống tổ chức, kiểm soát và quản lý:

- Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành. HĐQT không phát hiện các gian lận và không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.
- Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng duy trì một hệ thống khung lương thưởng công bằng, hợp lý và có tính đến phát triển bền vững đảm bảo được thu nhập cho người lao động; tạo sự đoàn kết, gắn bó lâu dài, đồng thuận cao trong nội bộ Công ty tạo động lực thúc đẩy cho công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

Tóm lại, theo kết quả đánh giá của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2018; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

## 3. Các định hướng, kế hoạch của Hội đồng quản trị:

### 3.1 Dự báo

- *Thách thức*

- Kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, tăng trưởng dự báo không được ở mức cao; chính sách kinh tế và thương mại của các nền kinh tế lớn có thể thay đổi nhanh và tác động hai chiều; nguồn cung toàn cầu tiếp tục tăng, nhu cầu và sức mua của thị trường thế giới giảm, … có thể tác động, ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam.

- Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn đang diễn biến khó lường. Tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng.

- Trung Quốc ban hành các yêu cầu mới về truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Điều này ảnh hưởng đến xuất khẩu các nông sản trong đó có rau quả sang Trung Quốc.

- *Cơ hội*

- Theo dự báo của FAO, thị trường rau quả có tỷ trọng lớn nhất trong nhóm thực phẩm tươi sống toàn cầu, trong đó, rau và trái cây chiếm tới hơn 59% và có tốc độ tăng trưởng 2,88% trong giai đoạn 2016 – 2021. Đây có thể coi là cơ hội tốt cho rau quả Việt Nam mở rộng xuất khẩu sang các thị trường "khó tính" như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ…

- Theo Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2019 dự báo xuất khẩu rau quả đạt kim ngạch 4,2 tỷ USD.

- Từ ngày 14/1/2019, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực, mở ra một thị trường rộng lớn đối với nhiều ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam. Hơn nữa, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu dự kiến có hiệu lực trong năm nay cũng sẽ tạo thêm cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường châu Âu đầy tiềm năng.

### 3.2 Định hướng và mục tiêu

Từ những dự báo nêu trên, năm 2019 sẽ là năm có những thách thức mới với Công ty khi đặt ra định hướng ổn định, tạo động lực phát triển, tăng quy mô và nâng cao vị thế của Công ty. Đứng trước những thách thức này, Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban Tổng giám đốc phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2019, cụ thể:

- Sản lượng tiêu thụ: 9.500 tấn
- Doanh thu: 370 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5,50 tỷ đồng

Để thực hiện định hướng và các mục tiêu trên, Công ty tập trung thực hiện:

- **Các giải pháp trọng tâm**

- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tạo động lực thúc đẩy các hoạt động sản xuất, chế biến và bán hàng của Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, giữ mức tồn kho hợp lý để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh.
- Phát triển đa dạng hóa các dòng sản phẩm mới, mở rộng kênh phân phối, thúc đẩy bán hàng bằng các hình thức khuyến mãi hấp dẫn, gia tăng thị phần.
- Tiếp tục cơ giới hóa, tự động hóa các khâu, công đoạn sản xuất.
- Tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn; thực hiện các giải pháp an toàn tài chính; ứng dụng các phần mềm, công nghệ thích hợp trong việc quản trị tài chính; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các rủi ro; lập kế hoạch thu chi tài chính cho từng giai đoạn.
- Chú trọng công tác mở rộng vùng nguyên liệu của Công ty.
- Triển khai các giải pháp quản trị nhân sự dựa trên nền tảng công nghệ giúp quản lý nhân sự chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

▪ **Quản trị các rủi ro**

- Rủi ro kinh tế và chính trị: thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, biến động về chính trị thế giới đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
- Rủi ro tỷ giá và lãi suất: theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này; Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp như tìm nguồn vốn vay ổn định và lãi vay thấp, kiểm soát hoạt động kinh doanh nhằm tăng nhanh vòng quay vốn...
- Rủi ro về cạnh tranh: phải nhận diện và phân tích kịp thời các thay đổi của bối cảnh, môi trường, từ đó xây dựng và triển khai các Chương trình, dự án để củng cố, gia tăng lợi thế cạnh tranh và thị phần. Ngoài ra, Công ty cần phải chú trọng hơn nữa đến chất lượng hàng hóa nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Antesco để giữ khách hàng truyền thống và thu hút khách hàng mới
- Rủi ro về thời tiết: thường xuyên theo dõi sát sao tình hình thời tiết, mùa vụ để có các chính sách, biện pháp xử lý và đối phó phù hợp.
- Rủi ro Mất khách hàng quan trọng: luôn theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng, và có các chính sách tương ứng đối với các khách hàng quan trọng.
- Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời: cần quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý.

Năm 2019 là năm thứ tư của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị lần thứ II (2016 - 2020), Hội đồng quản trị phấn đấu thực hiện thành công định hướng và những nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó, đưa Công ty ngày càng phát triển và mang đến lợi ích tốt nhất cho Công ty, cổ đông và người lao động.

Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, ủng hộ của quý cổ đông và nhà đầu tư, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Đặc biệt, Hội đồng quản trị chân thành cảm ơn tất cả CBNV Công ty Antesco đã gắn bó, đoàn kết và đồng hành cùng Công ty trên mọi chặng đường phát triển và hy vọng sẽ tiếp tục chắp cánh, phát triển Công ty với những thành công mới.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

### 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị.

### 1.1 Hội đồng quản trị.

#### 1.1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên như sau:

| STT | Danh sách thành viên HĐQT | Tỷ lệ sở hữu CP | | Thành viên HĐQT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cổ phần đại diện SCIC | Cổ phần cá nhân | Điều hành | Không điều hành | Độc lập |
| 1 | **Trần Thanh Thủy** *Chủ tịch* | 20,00% | | - | X | - |
| 2 | **Nguyễn Văn Tiến** *Thành viên* | 14,52% | - | - | X | - |
| 3 | **Đoàn Đặng Quí An** *Thành viên* | - | - | - | X | - |
| 4 | **Nguyễn Ngọc Vinh** *Thành viên* | 14,52% | - | X | - | - |
| 5 | **Huỳnh Thiện Nhân** *Thành viên* | - | 2,03% | - | X | - |
| 6 | **Nguyễn Thành Tâm** *Thành viên* | - | - | - | - | X |
| 7 | **Huỳnh Quanh Vinh** *Thành viên* | - | 2,80% | ĐHĐCĐ miễn nhiệm TV.HĐQT ngày 24/01/2019 | | |

#### 1.1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

#### 1.1.3 Hoạt động Hội đồng quản trị.

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện tốt các công việc: kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh trong phạm vi các quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt, công khai và minh bạch; tập trung nhiều vào việc hoạch định các chiến lược đưa ra các quyết sách kịp thời trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, cộng đồng và quyền lợi của người lao động; đồng thời củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Trong năm 2018, HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Bên cạnh đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban Tổng giám đốc trong việc xử lý các vấn đề khó khăn trong hoạt động của Công ty.

HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp theo định kỳ và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của người lao động trong toàn Công ty. Đây cũng chính là một trong những nhân tố góp phần vào việc hoàn thành vượt kế hoạch năm 2018 và sự phát triển vững chắc lâu dài của Công ty.

❖ **Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả cuộc họp như sau:**

| STT | Thành viên HĐQT & Ban Kiểm soát | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Trần Thanh Thủy**<br>*Chủ tịch HĐQT* | 8/8 | 100,0% | |
| 2 | **Quách Thanh Bình**<br>*Thành viên HĐQT* | 2/2 | 100,0% | 3 ĐHĐCĐ miễn nhiệm TV.HĐQT từ ngày 29/6/2018 |
| 3 | **Trần Công Thụy**<br>*Thành viên HĐQT* | 2/2 | 100,0% | 4 ĐHĐCĐ miễn nhiệm từ ngày 29/6/2018 |
| 4 | **Nguyễn Văn Tiến**<br>*Thành viên HĐQT* | 3/3 | 100,0% | 5 ĐHĐCĐ bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 29/6/2018 |
| 5 | **Đoàn Đặng Quí An**<br>*Thành viên HĐQT* | 8/8 | 100,0% | |
| 6 | **Nguyễn Ngọc Vinh**<br>*Thành viên HĐQT* | 3/3 | 100,0% | 6 ĐHĐCĐ bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 29/6/2018 |
| 7 | **Huỳnh Thiện Nhân**<br>*Thành viên HĐQT* | 6/8 | 75,0% | 7 Vắng có lý do |
| 8 | **Nguyễn Thành Tâm**<br>*Thành viên HĐQT* | 2/3 | 66,7% | 8 ĐHĐCĐ bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 29/6/2018<br>9 Vắng có lý do |
| 9 | **Huỳnh Quanh Vinh**<br>*Thành viên HĐQT* | 7/8 | 87,5% | 10 ĐHĐCĐ miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 24/01/2019. |

Trong năm 2018, tất cả các cuộc họp HĐQT đều mời và có sự tham dự đầy đủ của Ban kiểm soát

❖ **Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2018:**

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chính |
|---|---|---|---|
| 1. | 01/2018/NQ-HĐQT | 08/02/2018 | Chi tiền lương Tết Nguyên đán cho CBNV |
| 2. | 02/2018/NQ-HĐQT | 02/3/2018 | Hoàn chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2018. |
| 3. | 04/2018/NQ-HĐQT | 08/5/2018 | Thống nhất chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh; hạn mức xin cấp tín dụng năm 2018; nội dung sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. |
| 4. | 04A/2018/NQ-HĐQT | 08/5/2018 | Thông qua tài sản đảm bảo vay vốn, hạn mức vay vốn ngắn hạn tại ngân hàng BIDV |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | và ủy quyền Tổng giám đốc ông Huỳnh Quang Vinh thực hiện. |
| 5. | 04B/2018/NQ-HĐQT | 08/5/2018 | Thống nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018; tài sản đảm bảo vay vốn, hạn mức vay vốn ngắn hạn tại ngân hàng Agribank và ủy quyền Tổng giám đốc ông Huỳnh Quang Vinh thực hiện. |
| 6. | 05/2018/NQ-HĐQT | 11/6/2018 | Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc của ông Trần Công Thụy và ông Quách Thanh Bình. |
| 7. | 06/2018/NQ-HĐQT | 19/6/2018 | Thông qua nội dung chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên 2018. |
| 8. | 07/2018/NQ-HĐQT | 03/7/2018 | Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Vinh với chức vụ Tổng giám đốc; miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc của ông Huỳnh Quang Vinh. |
| 9. | 07A/2018/NQ-HĐQT | 03/7/2018 | Thông qua tài sản đảm bảo vay vốn, hạn mức vay vốn ngắn hạn tại ngân hàng BIDV và ủy quyền Tổng giám đốc ông Nguyễn Ngọc Vinh thực hiện. |
| 10. | 07B/2018/NQ-HĐQT | 03/7/2018 | Thống nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018; tài sản đảm bảo vay vốn, hạn mức vay vốn ngắn hạn tại ngân hàng Agribank và ủy quyền Tổng giám đốc ông Nguyễn Ngọc Vinh thực hiện. |
| 11. | 08/2017/NQ-HĐQT | 03/7/2017 | Phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT. |
| 12. | 09/2018/NQ-HĐQT | 18/7/2018 | Bổ nhiệm 02 nhân sự ông Nguyễn Công Luận và ông Nguyễn Văn Pháp giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty. |
| 13. | 10/2018/NQ-HĐQT | 01/8/2018 | Thông qua việc thành lập Ban Tái cấu trúc. |
| 14. | 11/2018/NQ-HĐQT | 29/10/2018 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2018; hạn mức tín dụng tại ngân hàng SHB; bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Thiên Tâm làm Thư ký HĐQT, kiêm người được ủy quyền công bố thông tin thay cho ông Nguyễn Công Luận. |
| 15. | 12/2018/NQ-HĐQT | 04/12/2018 | Thông qua tờ trình phê duyệt Đề án Tái cấu trúc Công ty 2019 – 2021; tờ trình Đầu tư thiết bị thay thế Quý 4/2018; Quy chế Phối hợp hoạt động giữa cấp Ủy với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. |

Nhìn chung, chất lượng hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đạt hiệu quả cao trên cơ sở phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, vượt khó, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT.

**1.1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

**1.1.5 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành luôn phối hợp cùng các thành viên Hội đồng quản trị tích cực tham gia công tác quản trị công ty, đề ra những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu phát triển và mang lại hiệu quả cho Công ty.

**1.1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.**

| STT | Thành viên HĐQT | Có chứng chỉ |
|---|---|---|
| 1 | **Trần Thanh Thủy**<br>*Chủ tịch HĐQT* | X |
| 2 | **Đoàn Đặng Quí An**<br>*Thành viên HĐQT* | X |

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị. Các thành viên chưa có chứng chỉ đào tạo quản trị Công ty sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có các khóa đào tạo phù hợp.

**1.2 Lương, thưởng, thù lao và các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành.**

**1.2.1 Lương, thưởng, thù lao đã nhận trong năm 2018.**

Tổng số tiền lương, thưởng và thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành trong năm 2018 là 1.736.096.000 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng), cụ thể như sau:

*ĐVT: đồng*

| STT | Các thành viên | Lương & Thưởng | Thù lao |
|---|---|---|---|
| **1.** | Hội đồng quản trị | - | - |
| **2.** | Ban kiểm soát | 194.527.272 | - |
| **3.** | Ban điều hành | 1.539.096.000 | - |
| | **Tổng cộng** | **1.733.623.272** | - |

**Ghi chú:**

- **Đối với Ban kiểm soát:** chỉ thực hiện trả lương cho Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

### 1.2.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Có

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Thị Thu Nga | Mẹ ông Huỳnh Quang Vinh TV.HĐQT | 10.000 | 0,17% | 318.062 | 5,30% | Nhận thừa kế |
| 2 | Huỳnh Quang Đấu | Cha ông Huỳnh Quang Vinh TV.HĐQT | 308.062 | 5,13% | - | - | Đã mất |

### 1.2.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

### 1.2.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị Công ty nói chung cũng như các quy chế quản trị Công ty nói riêng, minh bạch trong hoạt động. Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, … theo đúng quy định.

Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

## 2. Ban kiểm soát.

### 2.1 Thành viên Ban kiểm soát:

Sau kỳ ĐHĐCĐ thường niên từ ngày 29/6/2016 (Nhiệm kỳ 2016-2020) và tính đến ngày hôm nay, thành viên Ban kiểm soát như sau:

| STT | Danh sách thành viên BKS | Tỷ lệ sở hữu CP | | Thành viên BKS | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Cổ phần đại diện SCIC | Cổ phần cá nhân | Chuyên trách | Không chuyên trách |
| 1 | **Đặng Thị Thúy Nhanh** *Trưởng ban* | - | 0,23% | X | - |
| 2 | **Lê Văn Huy** *Thành viên* | - | - | - | X |
| 3 | **Nguyễn Thanh Phong** *Thành viên* | - | 0,02% | - | X |
| 4 | **Nguyễn Thị Thúy Nga** *Thành viên BKS* | | 0,99% | ĐHĐCĐ miễn nhiệm TV BKS từ ngày 29/6/2018 | |

### 2.2 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

### 2.2.1 Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Tổng giám Đốc.

Kiểm tra giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- Xem xét các báo cáo do Ban Tổng giám đốc lập.
- Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu tài chính.
- Kiểm tra hoạt động của 03 nhà máy, giám sát việc tuân thủ quy trình sản xuất và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành luật lao động của Công ty, công tác tổ chức quản lý cán bộ nhân viên.

Thù lao Ban kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Các chi phí hoạt động và lợi ích khác: Không

### 2.2.2 Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành 06 cuộc họp (chính thức và trực tuyến) về thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm 2018. Trong năm 2018, Ban kiểm soát ban hành 10 công văn kiến nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc về tình hình tài chính của Công ty.

### 2.2.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Theo ý kiến của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán số 522/VN1A-HC-BC ngày 26/03/2019 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang, Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, không có ý kiến ngoại trừ.

❖ **Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh qua các năm như sau:**

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2016 (triệu đồng) | Năm 2017 (triệu đồng) | Năm 2018 (triệu đồng) | Kế hoạch 2018 (triệu đồng) | Tỷ lệ (%)/DT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
| 1 | Doanh thu - thu nhập | 344.035 | 309.949 | 353.024 | 300.000 | | | |
| | *Doanh thu bán hàng* | *335.985* | *309.004* | *351.299* | | | | |
| | *Doanh thu tài chính* | *2.768* | *898* | *1.652* | | | | |
| | *Thu nhập khác* | *5.282* | *47* | *73* | | | | |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 280.648 | 272.641 | 293.915 | | 81,58 | 87,96 | 83,26 |
| 3 | Lãi gộp | 55.337 | 36.363 | 57.384 | | 16,08 | 11,73 | 16,25 |
| 4 | Chi phí tài chính | 13.570 | 12.855 | 11.896 | | 3,94 | 4,15 | 3,37 |
| 5 | Chi phí bán hàng | 23.701 | 26.994 | 26.035 | | 6,89 | 8,71 | 7,37 |
| 6 | Chi phí QLDN | 16.977 | 16.018 | 19.605 | | 4,93 | 5,17 | 5,55 |
| 7 | Chi phí khác | 3.941 | 62 | 251 | | 1,15 | 0,02 | 0,07 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | 4.522 | -18.622 | 1.322 | 0 | 1,31 | -6,01 | 0,37 |

❖ **Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty như sau:**

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---|---|---|---|---|
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | | | | |
| Tỷ suất thanh toán tiền mặt | Lần | 0,11 | 0,06 | 0,18 |
| Tỷ suất thanh toán nhanh | Lần | 0,20 | 0,20 | 0,34 |
| Tỷ suất thanh toán hiện thời | Lần | 0,96 | 0,81 | 0,79 |
| Cấu trúc tài chính | | | | |
| Vốn vay dài hạn/Vốn CSH | Lần | 1,16 | 1,50 | 1,24 |
| Vốn vay dài hạn/Tổng tài sản | Lần | 0,31 | 0,28 | 0,27 |
| Vốn vay ngắn dài hạn/Vốn CSH | Lần | 2,31 | 3,74 | 2,77 |
| Vốn vay ngắn dài hạn/Tổng tài sản | Lần | 0,61 | 0,69 | 0,61 |
| Hệ số sinh lợi | | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | % | 16,47 | 11,77 | 16,33 |
| ROA | % | 1,76 | -7,32 | 0,60 |
| ROE | % | 6,53 | -39,57 | 2,73 |
| Hệ số hoạt động | | | | |
| Hệ số vòng quay tài sản | Lần | 1,30 | 1,21 | 1,60 |
| Hệ số vòng quay vốn CSH | Lần | 4,85 | 6,57 | 7,26 |

❖ **Ban kiểm soát cũng lưu ý tình hình tài chính của Công ty ở các mặt sau:**

- Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn đều thấp hơn 1: Công ty vẫn còn gặp khó khăn về dòng tiền, đây cũng là vấn đề kiểm toán đã nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán

năm 2018. Vì vậy, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cần có giải pháp về dòng tiền đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hàng tồn kho đến ngày 31/12/2018 là 44,58 tỷ đồng giảm gần 40% so với năm 2017. Trong đó, hàng hóa tồn kho cận ngày sử dụng, kém phẩm chất giảm so với năm 2017 (từ 3,7 tỷ đồng xuống 2,2 tỷ đồng). Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cần phải đẩy mạnh hơn nữa trong công tác quay vòng hàng tồn kho kết hợp với đảm bảo chất lượng hàng hóa được bảo quản trong kho để giảm tỷ lệ này xuống mức thấp nhất.
- Ban Tổng giám đốc cần tiếp tục tăng cường công tác dự báo biến động nguyên liệu để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.
- Cần đẩy mạnh hoạt động nhà máy Bình Long tối đa công suất, nhằm hạ giá thành tăng sức cạnh tranh.

### 2.2.4 Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty:

Nhìn chung, năm 2018 Hội đồng quản trị Công ty tiến hành các cuộc họp triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và ban hành 15 Nghị quyết đúng quy định pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT.

### 2.2.5 Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã được tạo điều kiện làm việc từ phía HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Ban kiểm soát nhận được thông tin về các quyết định của HĐQT. Tham gia các cuộc họp của HĐQT. Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty thường xuyên trao đổi các vấn đề vướng mắc và đã được xử lý.

### 2.2.6 Kiến nghị:

- Ban Tổng giám đốc cần chú trọng công tác kiểm soát chi phí, đặc biệt chi phí quản lý doanh nghiệp. Đây là chi phí có phát sinh tăng so với năm 2017, có chính sách cân đối dòng tiền trả nợ vay, nhằm tránh rủi ro thanh khoản cho Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán quản trị xác định đúng, đủ giá vốn hàng bán, điểm hòa vốn tham mưu kịp thời giúp Ban Tổng giám đốc có quyết định phù hợp.
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc sớm hoàn thiện và đưa vào áp dụng các quy chế (quy chế lương thưởng, các quy chế về tài chính, quy định về định mức kinh tế làm căn cứ giám sát, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) phù hợp Điều lệ mới và đáp ứng yêu cầu thực tế của Công ty.
- Chú trọng công tác bảo dưỡng máy móc thiết bị, bảo hiểm tài sản, phòng chống cháy nổ của các nhà máy.
- Từng bộ phận phối hợp chặt chẽ kịp thời cung cấp thông tin để Ban Tổng Giám đốc có quyết định chính xác và hiệu quả.

### 2.2.7 Kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát năm 2019:

- Tiếp tục giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Tổng giám đốc.
- Thực hiện rà soát Báo cáo tài chính định kỳ.
- Thực hiện các chuyên đề của Ban kiểm soát, phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc đẩy nhanh công tác hoàn thiện các quy chế nội bộ.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Vui lòng vào đường link:

http://www.fpts.com.vn/FileStore2/File/2019/03/29/4267_Bao_Cao_Kiem_Toan_2018_Signed.pdf